

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

giữa chi Tr và anh Th.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- (Chi Tr và anh Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 17/01/2012. Khi ly hôn, chị Tr và anh Th đều thống nhất thỏa thuận giao cháu V cho chị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Chị Tr và anh Th thống nhất thỏa thuận anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Tr và anh Th đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Thu Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “*Ly hôn*” với anh Nguyễn Trọng Th. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr và bị đơn anh Nguyễn Trọng Th vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Nguyễn Trọng Th là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tr và anh Th tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn P, huyện Q, tỉnh Bình Định vào ngày 27/7/2012, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh Th là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị Tr và anh Th đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn được. Đến đầu năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Tr và anh Th đều cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Tr đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án; chị Tr và anh Th đều có đơn đề nghị được vắng mặt khi hòa giải và xét xử vụ án này, điều đó càng chứng tỏ chị Tr và anh Th đều không còn tình cảm với nhau, chị Tr và anh Th đều không có nguyện vọng muốn được trở về đoàn tụ và đều cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr; xử cho chị Tr được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 17/01/2012. Khi ly hôn, chị Tr và anh Th đều thống nhất thỏa thuận giao cháu V cho chị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Việc thỏa thuận giao con của chị Tr và anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Vì vậy cần giao con chung cho chị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng*: Chị Tr và anh Th thống nhất thỏa thuận anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V thành niên. Việc thỏa thuận về số tiền cấp dưỡng của anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật; buộc anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng V hàng tháng,

mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trọng V đủ tuổi thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Tr và anh Th đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị Tr phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và buộc anh Th phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Tr đối với anh Nguyễn Trọng Th về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Th.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 17/01/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu Tr có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Trọng Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Võ V Bảo hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trọng V đủ tuổi thành niên.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005052 ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị Thu Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Trọng Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường